



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	CN878Series
Các hình thức nhận dạng khác	
Từ Đồng Nghĩa	HP PT50 Specialty Melamine Scitex Primer
Công dụng đề nghị	In phun
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Danh Tính Công Ty	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh (Sài Gòn) Việt Nam Điện Thoại +84437245550 HP Inc. health effect line (Toll-free within US) 1-800-457-4209 (Direct) 1-760-710-0048 HP Inc. Customer Care Line (Toll-free within the US) 1-800-474-6836 (Direct) 1-208-323-2551 Email: hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Không được phân loại.
Các hiểm họa cho môi trường	Không được phân loại.

Các thành phần của nhãn

Ký hiệu hiểm họa	Không có.
Từ cảnh báo	Không có.
Công bố hiểm họa	Không có.
Thông điệp đề phòng	
Phòng Ngừa	Không có.
Ứng phó	Không có.
Bảo Quản	Không có.
Thải bỏ	Không có.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại Mục này không được phân loại theo Chỉ thị của Liên minh Châu Âu 1999/45/EC. Các đường phơi nhiễm quá mức tiềm ẩn đối với sản phẩm này bao gồm tiếp xúc với da và mắt. Việc hít phải hơi và nuốt vào không được dự kiến là đường phơi nhiễm đáng kể cho sản phẩm này trong các điều kiện sử dụng bình thường. Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này.

Thông tin thêm Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Các thành phần không nguy hiểm

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Nước		7732-18-5	> 45
POLYME ACRYLIC		Độc quyền	<60
Secondary alcohol ethoxylate		84133-50-6	<2.5

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa ra nơi không khí trong lành. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa thật kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với mắt	Không dụi mắt. Ngay lập tức xả rửa bằng một lượng lớn nước ấm và sạch (áp suất thấp) trong thời gian ít nhất là 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ được các hạt. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.

Ăn phải	Nếu xảy ra việc nuốt phải một lượng lớn, hãy tìm kiếm chăm sóc y tế ngay lập tức.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Không có.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Hóa chất khô, CO2, bình xịt nước hoặc bọt bình thường.
Chất chữa cháy không phù hợp	Chưa được biết.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Không áp dụng.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Không có.
Các biện pháp cụ thể	Chưa được xác định.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có.
Các biện pháp đề phòng cho môi trường	Không để sản phẩm đi vào các đường thoát. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.
Thông tin khác	Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ. Từ từ hút hoặc quét vật liệu vào túi hoặc bình chứa có nắp kín. Thải bỏ tuân theo các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương. Xem mục 13 Lưu ý về thải bỏ.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn	Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Để cách xa nhiệt quá cao hoặc lạnh.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp	Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.
Các giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm	Vẫn chưa thiết lập giới hạn phơi nhiễm cho sản phẩm này.
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Sử dụng tại khu vực thông khí tốt.
Thiết bị bảo hộ cá nhân	
Tổng quát	Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để giảm thiểu sự phơi nhiễm với da và mắt.
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân	
Biện pháp bảo vệ mắt/mặt	Không có.
Bảo vệ da	
Bảo vệ tay	Không có.
Khác	Không có.
Bảo vệ đường hô hấp	Không có.
Các hiểm họa nhiệt	Không có.
Các lưu ý vệ sinh chung	Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan	
Trạng thái vật lý	Chất lỏng.
Dạng	Không có.
Màu	Trong.
Mùi	Không có.
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có.

pH	Không có.
Điểm chảy/điểm đông	không xác định
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	không xác định
Nhiệt Độ Bốc Cháy	>= 100.0 °C (>= 212.0 °F) Cốc Kín
Tốc độ bay hơi	Không có.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có.
Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ	
Giới hạn cháy - dưới (%)	không xác định
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ – dưới (%)	Không có.
Giới hạn nổ – trên (%)	Không có.
Áp suất hơi	không xác định
Tỷ khối hơi	Không có.
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	Không có.
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có.
Nhiệt độ tự bốc cháy	không xác định
Nhiệt độ phân hủy	Không có.
Độ nhớt	Không có.
Thông tin khác	
Các tính chất oxy hóa	Không xác định
VOC (Trọng lượng %)	< 10.5 g/l

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Không có.
Độ bền hóa học	Ổn định trong các điều kiện bảo quản khuyến nghị.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh	Không có.
Các vật liệu tương kỵ	Không tương thích với các bazơ mạnh và các chất ôxi hóa.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Khi phân hủy, sản phẩm này phát ra các oxyt thể khí của nitơ, cacbon monoxyt, cacbon dioxyt và/hoặc các hydrocacbon khối lượng phân tử thấp.

11. Thông tin về độc tính

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Không có.
Thông tin về các tác dụng độc	
Độc tính cấp tính	Không có.
Ăn mòn/kích ứng da	Không có.
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Không có.
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da	
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Không có.
Gây mẫn cảm da	Không có.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Không có.
Khả năng gây ung thư	Không có.
Độc tích sinh sản	Không có.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Không có.

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Không có.
Hiểm họa hít phải	Không có.
Thông tin khác	Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này

12. Thông tin về sinh thái

Độc tố thủy sinh	Không có thông tin.
Độc tính sinh thái	Không có dữ liệu độc sinh thái nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có.
Khả năng tích tụ sinh học	Không có.
Di chuyển trong đất	Không có.
Các tác dụng có hại khác	Không có.

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh. Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp.
------------------------------	--

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

IATA

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

IMDG

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

ADR

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

Thông tin khác Không phải là hàng hoá nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia

Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT

Không được quy định.

Thông tin về quy định Được thông báo theo các Quy định của Liên minh Châu Âu.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành 14-Tháng-Tám-2016

Phiên bản số 01

Khước Từ Trách Nhiệm Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

Thông Tin Sửa Đổi

Lai Lịch Sản Phẩm và Công Ty: Từ Đồng Nghĩa
Thành phần cấu tạo / thông tin về các thành phần: Thông Tin Công Bố Ưu Tiên Hơn
Tính Chất Lý & Hóa: Đa Tính Chất
15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT: Hoa Kỳ
Dữ liệu HazReg: Vành đai Thái Bình Dương

Thông tin nhà sản xuất

HP Inc.
1501 Page Mill Road
Palo Alto, CA 94304-1112 US
(Direct) +972 (9) 892-4628